

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC S
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07A/2022/HS-ST

Ngày: 18 -03-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC S, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dần

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thực

Bà Bùi Thị Nhen.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc S, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc S, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 03 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Lạc S, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

BÙI VĂN D, sinh ngày 13 tháng 3 năm 1995 tại Lạc S - Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn A và bà Bùi Thị N; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị C và 01 con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/01/2022. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Quách Văn S, sinh năm 1992. Trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Xuân T, sinh năm 1986. Trú tại: Phố V, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Nguyễn Thị Chanh, sinh năm 2001. Trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Người làm chứng: Bùi Văn T, sinh năm 1996. Trú tại: Xóm T, xã M, huyện L, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ 00 phút, ngày 06/7/2021, Bùi Văn D gọi điện thoại nhờ Quách Văn S đến đón D tại nhà Bùi Văn G. S đi xe mô tô đến nhà G thì D lại nhờ S chờ đến cửa hàng điện thoại của Bùi Văn Tịnh ở xóm Chiềng Vang 1, xã Tân Lập, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình để bán chiếc xe máy Honda Wave của D đã để đó từ trước. Do quán đông khách nên D chưa bán được xe. Lúc đó, vợ S là Bùi Thị Hoàng Nhi gọi điện thoại giục S về nên S và D về nhà S. Về đến nhà S, D nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của S nên ngay lập tức nói dối S là mượn chiếc xe mô tô BKS 28N1-328.15 của S để đi đến nhà Bùi Văn Tịnh bán xe của mình, đồng thời mượn thêm của S 01 điện thoại di động Iphone X. Quách Văn S tin là thật nên giao các tài sản nêu trên cho Bùi Văn D. Nhận được tài sản, D đi thẳng đến cửa hàng xe máy Sơn Yên của Nguyễn Văn T đặt vấn đề bán chiếc xe máy Honda Wave của mình nhưng T nói phải xem xe trực tiếp mới thỏa thuận được giá. Thấy vậy, Bùi Văn D đã cầm cố chiếc xe mô tô BKS 28N1-328.15 của S cho T lấy 15.000.000 đồng. Sau đó T bảo Bùi Văn T là nhân viên cửa hàng xe máy Sơn Yên, đưa D đến nhà Tịnh xem xe mô tô của D. Do không thỏa thuận được giá nên D không bán xe. Đến 15 giờ cùng ngày, Bùi Văn D đi ra thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình cầm cố chiếc điện thoại của Quách Văn S cho một cửa hàng điện thoại không quen biết, không biết rõ địa chỉ lấy 1.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền cầm cố xe mô tô và điện thoại của Quách Văn S, Bùi Văn D đã dùng chơi game và chi tiêu cho cá nhân hết. Đến ngày 18/9/2021, Bùi Văn D đã đến cơ quan Công an huyện Lạc Sơn đầu thú.

Vật chứng thu giữ và quá trình xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ tại giai đoạn điều tra gồm 01 xe mô tô BKS 28N1-328.15, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu Sơn đỏ - đen, số khung RLCUG1010KY098020, số máy G3D4E864448, xe cũ đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã xử lý bằng biện pháp trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Quách Văn S.

Tại kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 20/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạc Sơn kết luận: Chiếc xe mô tô BKS 28N1-328.15 có giá trị còn lại là 25.000.000 (*Hai mươi lăm triệu*) đồng; chiếc điện thoại Iphone X có giá trị là 6.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Quách Văn S đã nhận lại xe và số tiền 5.000.000^d bị cáo bồi thường do cầm cố chiếc điện thoại. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Xuân T đã được vợ bị cáo là Nguyễn Thị C trả lại 15.000.000 đồng. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Xuân T không có yêu cầu gì đối với bị cáo về trách nhiệm dân sự. Bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số 65/CT-VKS ngày 21/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã truy tố bị cáo Bùi Văn D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với chủ cửa hàng đã nhận cầm cố chiếc điện thoại tại thành phố Hòa Bình, do không xác định được địa chỉ, nhận dạng, căn cước và bị cáo khai là khi cầm cố không nói là tài sản do lừa đảo mà có nên Cáo trạng không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố, tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Xác định bị cáo không có tình tiết tăng

nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là sau khi phạm tội đã tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đầu thú; bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo có ông ngoại là người có công được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về tang vật của vụ án đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên không đề nghị xem xét. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không đề cập xem xét.

Bị hại không có ý kiến gì về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, giữ nguyên ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng phản ánh; bị cáo nhận tội, không kêu oan, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng : Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an huyện Lạc S, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo:* Ngày 06/7/2021, Bùi Văn D dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 28N1-328.15 và chiếc điện thoại di động Iphone X của anh Quách Văn S; bị cáo không xuống nhà Bùi Văn T để bán xe mà đến cửa hàng xe máy Sơn Yến để cầm cố xe máy của anh Quách Văn S. Bùi Văn D đã nói dối để anh S tin và giao xe, điện thoại cho bị cáo. Sau khi lấy được xe và điện thoại bị cáo đem cầm cố lấy tiền chi dùng cho cá nhân. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tang vật thu giữ. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị 31.000.000 đồng; nằm trong khoảng từ 2.000.000^d đến dưới 50.000.000^d. Do vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Bùi Văn D đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1

Điều 174 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh, điều khoản luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo:* Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhận thức và hiểu biết pháp luật nhưng coi thường pháp luật. Bị cáo nhận thức rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động nên vẫn cố ý thực hiện nhằm chiếm đoạt tài sản lấy tiền chi tiêu cá nhân. Do vậy, cần áp dụng đối với bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:* Xét, bị cáo sau khi phạm tội đã tác động để gia đình khắc phục thiệt hại bằng tiền cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo chưa từng phạm tội và lần phạm tội này bị truy tố ở khung hình phạt có mức hình phạt dưới 3 năm tù nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “Phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng”. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, sau khi phạm tội, bị cáo đã đầu thú; bị cáo được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo có ông ngoại là người có công được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc giảm nhẹ trách nhiệm hình cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng Hội đồng xét xử xét chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù có điều kiện cũng đủ sức dẫn dắt để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung. Căn cứ Điều 65 Bộ luật hình sự.

[5] *Về tang vật của vụ án:* Tang vật của vụ án là chiếc xe mô tô BKS 28N1-238.15 đã được trả lại cho anh Quách Văn S là chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí:* Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn D, 20 (hai mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 40 (bốn mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/3/2022.

Giao bị cáo Bùi Văn D cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Lạc S, tỉnh Hòa Bình và gia đình để quản lý giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Trong T hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Bùi Văn D phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo cùng thời hạn kể từ ngày nhận được bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình để xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Hòa Bình (b/c);
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Công an huyện Lạc S;
- Chi cục THADS Lạc S ;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình ;
- UBND xã T ;
- Bị cáo+ Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lò Văn Dần

